

Nghiên cứu khuyến nghị cần tăng cường có các biện pháp cụ thể để nâng cao kiến thức về phòng ngừa ĐNN cho NLD, hướng dẫn sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân chặt chẽ đảm bảo NLD luôn luôn sử dụng khi tiếp xúc với nguồn ồn và sử dụng đúng, hiệu quả. Cần thường xuyên đôn đốc, kiểm tra giám sát việc sử dụng thiết bị bảo hộ của NLD tự ý không sử dụng do chủ quan hoặc thiếu kiến thức hoặc sử dụng không đúng như yêu cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **World Health Organization (2016)**, WHO global estimates on prevalence of hearing loss, http://www.who.int/pbd/deafness/WHO_GE_HL.pdf.
2. **World Health Organization (2017)**, WHO methods and data sources for global burden of disease estimates 2000-2015, Department of Information, Evidence and Research WHO, Geneva.
3. **Theo Vos & et al (2015)**, "Global, regional, and national incidence, prevalence, and years lived with disability for 301 acute and chronic diseases and injuries in 188 countries, 1990–2013: a systematic analysis for the Global Burden of

Disease Study 2013", The Lancet. 386(9995), page. 743-800.

4. **Elizabeth A Masterson (2016)**, "Hearing impairment among noise-exposed Workers—United States, 2003–2012", MMWR. Morbidity and mortality weekly report. 65.
5. **GV Prasanna Kumar & et al (2008)**, "Occupational noise in rice mills", Noise and Health. 10(39), page. 55.
6. **Đỗ Văn Hàm (2007)**, "Tiếng ồn trong sản xuất và điểu nghề nghiệp", trong Đỗ Văn Hàm, chủ biên, Sức khỏe nghề nghiệp, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, Hà Nội
7. **Nguyễn Đăng Quốc Chân và Bùi Đại Lịch (2008)**, "Kiến thức, thái độ, hành vi phòng chống ô nhiễm tiếng ồn và điểu nghề nghiệp của công nhân một số nhà máy, xí nghiệp có tiếng ồn cao (> 85dBA) tại thành phố Hồ Chí Minh", Y học thành phố Hồ Chí Minh. 12(4), tr. 226-228
8. **Emmanuel D Kitcher & et al (2014)**, "Occupational hearing loss of market mill workers in the city of Accra, Ghana", Noise and Health. 16(70), page. 183
9. **Tim Robinson & et al (2015)**, "Prevalence of noise-induced hearing loss among woodworkers in Nepal: a pilot study", International journal of occupational and environmental health. 21(1), page. 14-22

KHẢO SÁT NHU CẦU SỬ DỤNG DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NỘI TRÚ BAN NGÀY (DAYCARE) CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TẠI QUẬN SƠN TRÀ, TP.ĐÀ NẴNG

Quách Hữu Trung*, Võ Thị Hồng Hương*

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: Xác định nhu cầu về dịch vụ chăm sóc sức khỏe nội trú ban ngày của người cao tuổi tại quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng và mô tả một số yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ nêu trên. **Đối tượng nghiên cứu:** Người cao tuổi đang sinh sống tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. **Tiêu chuẩn chọn:** Người cao tuổi (≥ 60 tuổi) đang sinh sống tại Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Với người cao tuổi không đủ minh mẫn để hoàn thiện bộ câu hỏi thì người nhà/người thân là người tham gia nghiên cứu. Không có các dấu hiệu của tổn thương về tinh thần và nhận thức ảnh hưởng đến việc trả lời hoàn thiện bộ câu hỏi. Đồng ý tham gia nghiên cứu này. **Tiêu chuẩn loại trừ:** Những người không đồng ý tham gia vào nghiên cứu sau khi được giải thích rõ mục đích và mục tiêu của nghiên cứu. Các đối tượng không đáp ứng được các tiêu chuẩn nói trên. **Phương**

pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích được thực hiện từ tháng 15/4/2021 đến tháng 25/04/2021 trên 188 người cao tuổi đang cư trú tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp. Bộ câu hỏi được thiết kế sẵn sử dụng các câu hỏi đóng để thuận tiện cho đối tượng nghiên cứu trả lời. **Kết quả:** Với 188 người cao tuổi tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia khảo sát nghiên cứu, cho thấy rằng người cao tuổi có nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc ban ngày tuy nhiên mức độ nhu cầu không cao; có 03 yếu tố có mối liên quan có ý nghĩa thống kê (với $p < 0,05$), bao gồm: mức kinh tế gia đình; nghề nghiệp và từng nghe về dịch vụ chăm sóc ban ngày. **Kết luận:** Nghiên cứu chỉ ra nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc nội trú ban ngày sẽ được chú ý và quan tâm hơn khi người dân hiểu rõ hơn về dịch vụ này, đồng thời dịch vụ này cũng sẽ có nhiều khả năng được quan tâm hơn ở những đối tượng có điều kiện về kinh tế. Do vậy, để phát triển các dịch vụ y tế mới trong đó có dịch vụ chăm sóc nội trú ban ngày cho người cao tuổi, cần tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá về loại hình dịch vụ này đến đông đảo người dân và cộng đồng, tập trung ưu tiên nhóm đối tượng có mức kinh tế cao.

Từ khóa: Chăm sóc nội trú ban ngày, người cao tuổi.

*Bệnh viện 199 thành phố Đà Nẵng

Chịu trách nhiệm chính: Võ Thị Hồng Hương

Email: drhonghuong@gmail.com

Ngày nhận bài: 15.3.2021

Ngày phản biện khoa học: 10.5.2021

Ngày duyệt bài: 18.5.2021

SUMMARY**SURVEY OF THE NEED TO USE DAYCARE HEALTH SERVICES OF ELDERLY IN SON TRA DISTRICT, DA NANG**

Objective: (1) Identify the elderly's needs for using daycare health services in Son Tra district, Da Nang city; (2) Describe some factors related to the need to use the above services. **Subjects:** The elderly are living in Son Tra district, Da Nang city. **Criteria to choose:** Elderly people (≥ 60 years old) are living in Son Tra District, Da Nang City. For the elderly who could not be complete the questionnaire, family members / relatives are the participants in the study. There are no signs of mental or cognitive injury affecting a complete questionnaire response. Agree to participate in this study. **Exclusion criteria:** People who do not agree to participate in the study after being clearly explained to the purpose and objectives of the study. Subjects that do not meet the above standards. **Methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted in April 15-25, 2021, on 188 elderly people are residing in Son Tra district, Da Nang city by directly interviews. The pre-designed questionnaire uses closed-ended questions for the study subjects that can answer easily. **Results:** In total 188 respondents completed the questionnaire who living in Son Tra district, Da Nang city participating in a research survey, it shows that elderly people also have a need to use daycare services, however, the level of demand is not high with mean values; there are 03 factors that have a statistically significant relationship (with $p < 0.05$), including: economic level; occupation and have heard about daycare before. **Conclusions:** The study showed that the need for using day care services will be more attentive and concerned when people better understand this service, and this service will also be more interested in those with high economic conditions. Therefore, in order to develop new medical services, including daycare service for the elderly, it is necessary to strengthen the propaganda and promotion of this type of service to community, focus on priority groups with high economic level.

Keywords: Daycare, elderly.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, tuổi thọ trung bình của người dân tại thành phố Đà Nẵng đạt 76 tuổi [1], cao hơn tuổi thọ trung bình chung của cả nước. Quá trình già hóa dân số diễn ra với tốc độ nhanh chóng đã tạo nên thách thức lớn về sự cần thiết phải có những giải pháp thích ứng, phù hợp về các dịch vụ an sinh xã hội, lao động việc làm, giao thông, khu vui chơi giải trí... đặc biệt là hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Người cao tuổi Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng đang phải đối diện với gánh nặng bệnh tật và thường mắc nhiều bệnh mãn tính, đối diện với nguy cơ tàn phế do quá trình lão hóa và ngày càng gia tăng chi phí, chăm sóc, điều trị,

nuôi dưỡng... Trong khi đó, hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi chưa đáp ứng.

Ngoài ra, cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đã và đang thay đổi cuộc sống của con người về nhiều mặt, có nhiều dịch vụ y tế mới ra đời, song song với dịch vụ chăm sóc ban ngày trong đó dịch vụ khám chữa bệnh từ xa (Telemedicine) được coi là một cuộc đại cách mạng trong cách thức cung cấp dịch vụ y tế [2]. Dịch vụ chăm sóc ban ngày hay y tế từ xa giúp người dân chủ động sắp xếp thời gian chăm sóc sức khỏe, kiểm soát tốt hơn tình trạng bệnh, được chăm sóc sinh hoạt hằng ngày tốt hơn, đặc biệt thay những người con, người cháu chăm sóc tốt cho người cha, người mẹ của họ...

Tại Đà Nẵng, Bệnh viện 199 là một trong những cơ sở y tế đầu tiên trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng có cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban ngày cho người cao tuổi, chăm sóc người cao tuổi tại nhà ... Vì vậy, để góp phần có kế hoạch phát triển mô hình dịch vụ chăm sóc ban ngày được phát huy hết lợi thế và tăng khả năng tiếp cận của người cao tuổi đối với dịch vụ này, nhóm nghiên cứu Bệnh viện 199 Đà Nẵng tiến hành khảo sát "Nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe nội trú ban ngày của Người cao tuổi tại Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng" với 02 mục tiêu cụ thể:

1. *Xác định nhu cầu về dịch vụ chăm sóc sức khỏe nội trú ban ngày của người cao tuổi tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.*

2. *Mô tả một số yếu tố liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc ban ngày của người cao tuổi tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

+ **Đối tượng nghiên cứu:** Người cao tuổi đang sinh sống tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

+ **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích được thực hiện trên 188 người cao tuổi đang cư trú tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp. Hệ số tin cậy của thang đo đánh giá nhu cầu và các biến nhân tố liên quan Cronbach Anpha = 0,80 (có độ tin cậy cao).

- **Biến số nghiên cứu:**

Biến số	Công cụ thu thập	Kỹ thuật thu thập
Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu		
Tuổi		Phỏng

Giới	Bộ câu hỏi	vấn
Trình độ học vấn		
Nghề nghiệp		
Thu nhập cá nhân và gia đình		
Số thành viên trong gia đình		
Tình trạng sức khỏe		
Mục tiêu 1: Xác định nhu cầu sử dụng dịch vụ		
Nhu cầu khám chữa bệnh ban ngày (0 – 5 điểm, 0 = Rất không có nhu cầu, 5 = Nhu cầu rất cao)	Bộ câu hỏi	Phòng vấn
Mục tiêu 2: Tìm hiểu các yếu tố liên quan		

• Một số khái niệm:

- Chăm sóc ban ngày: Chăm sóc ban ngày cung cấp các dịch vụ hỗ trợ y tế, phục hồi chức năng và hỗ trợ nhận thức vài giờ một ngày trong vài ngày một tuần. [3]

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu (n=188)

Đặc điểm	Số lượng n	Tỷ lệ %
Tuổi (năm)		
Trung bình Mean±SD: 70,68±7,611		
Từ 60-70 tuổi	107	56,9
Trên 70 tuổi	81	43,1
Giới		
Nam	71	37,8
Nữ	117	62,2
Mức kinh tế gia đình		
Trung bình	143	76,1
Khá giả, giàu	30	15,9
Nghèo	15	8,0

2. Nhu cầu của người cao tuổi trong các dịch vụ chăm sóc ban ngày

Bảng 2. Nhu cầu của từng loại hình dịch vụ

Loại dịch vụ	Có nhu cầu	Không có nhu cầu	Điểm TB±SD
Chăm sóc nội trú ban ngày vào các ngày thường	110(58,5%)	78(41,5%)	1,4±1,557/4

Nhận xét: người cao tuổi cũng cho rằng cũng có nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc ban ngày vào các ngày thường tuy nhiên mức độ nhu cầu không cao với các giá trị trung bình là 1,4±1,557/4.

3. Mối liên quan giữa một số yếu tố đến nhu cầu chăm sóc ban ngày

Bảng 3. Các yếu tố liên quan

Đặc điểm	Không có nhu cầu	Có nhu cầu	Giá trị p	
Tuổi (năm) : Từ 60-70 tuổi	45(42,1%)	62(57,9%)	p=0,488>0,05	
	Trên 70 tuổi	33(40,7%)		48(59,3%)
Giới : Nam	27(38,0%)	44(62,0%)	p=0,276>0,05	
	Nữ	51(43,6%)		66(56,4%)
Mức kinh tế gia đình: Trung bình, nghèo	72(45,6%)	86(54,4%)	p=0,007<0,05	
	Khá giả, giàu	06(20,0%)		24(80,0%)
Tình trạng sức khỏe hiện tại: Nặng	02(28,6%)	05(71,4%)	p=0,714>0,05	
	Vừa	21(39,6%)		32(60,4%)
	Nhẹ	55(43,0%)		73(57,0%)

Tình trạng sức khỏe hiện tại		
Nặng	7	3,7
Vừa	53	28,2
Nhẹ	128	68,1
Thành viên trong gia đình		
Từ 1-2 người	18	9,6
Trên 2 người	170	90,4
Nghề nghiệp trước khi hết tuổi lao động		
Cán bộ công chức	52	27,7
Khác	136	72,9
Trình độ học vấn		
Dưới tiểu học	67	35,6
THCS-THPT	99	52,7
Đại học trở lên	22	11,7
Thuận tiện khi đến cơ sở y tế		
Dễ dàng	161	85,6
Khó khăn	27	14,4
Nghe về dịch vụ chăm sóc ban ngày (daycare)		
Có	20	10,6
Chưa từng	168	89,4

Được diễn giải bằng tỷ lệ % hoặc giá trị trung bình ± độ lệch chuẩn.

Nhận xét: Độ tuổi trung bình là 70,68 ± 7,611; tỷ lệ người cao tuổi là nữ chiếm gấp đôi so với người cao tuổi nam lần lượt tỷ lệ là 62,2%, 37,8%; có 27,2% là cán bộ công chức về hưu còn lại là các ngành nghề khác như lao động tự do, buôn bán... Đặc biệt trong số các thông tin ghi nhận chỉ có 10,6% đối tượng nghiên cứu đã từng nghe về dịch vụ chăm sóc sức khỏe nội trú ban ngày.

Thành viên trong gia đình			
Từ 1-2 người	7(38,9%)	11(61,1%)	p=0,511>0,05
Trên 2 người	71(41,8%)	99(58,2%)	
Nghề nghiệp trước khi hết tuổi lao động			
Cán bộ công chức	16(30,8%)	36(69,2%)	p=0,046<0,05
Khác	62(45,6%)	74(54,4%)	
Trình độ học vấn:			
Dưới tiểu học	29(43,3%)	38(56,7%)	p=0,761>0,05
THCS-THPT	40(40,4%)	59(59,6%)	
Đại học trở lên	09(40,9%)	13(59,1%)	
Thuận tiện khi đến cơ sở y tế:			
Dễ dàng	67(41,6%)	94(58,4%)	p=0,553>0,05
Khó khăn	11(40,7%)	16(59,3%)	
Nghe về dịch vụ chăm sóc ban ngày (daycare)			
Có	04(20,0%)	16(80,0%)	p=0,031<0,05
Chưa từng	74(44,0%)	94(56,0%)	

Nhận xét: có 03 yếu tố có mối liên quan có ý nghĩa thống kê (với $p<0,05$), bao gồm: mức kinh tế gia đình; nghề nghiệp và từng nghe về dịch vụ chăm sóc ban ngày.

IV. BÀN LUẬN

Quận Sơn Trà là một quận ở khu vực nội thành nên thu nhập kinh tế của người dân nhìn chung cũng khá cao và ổn định. Đây sẽ là những đối tượng có khả năng sử dụng các dịch vụ chăm sóc ban ngày cao chưa kể đến có nhu cầu hay không nhưng họ có khả năng chi trả cho các phí có dịch vụ gia tăng hoặc phí dịch vụ tự chi trả.

Hơn 1/2 đối tượng nghiên cứu đều cho rằng nên triển khai các dịch vụ y tế CSSK ban ngày, gồm các ngày thường trong tuần là 58,2% khách hàng ủng hộ. Mặc dù, mức độ nhu cầu được đánh giá không cao tuy nhiên có thể thấy nhóm đối tượng nghiên cứu tuy chưa từng được nghe và biết về dịch vụ chăm sóc ban ngày là như thế nào nhưng người dân cũng đã có những nhìn nhận quan tâm ban đầu đến loại hình dịch vụ này (chỉ có 10,6% đối tượng nghiên cứu đã từng nghe về dịch vụ chăm sóc sức khỏe nội trú ban ngày).

Với tâm lý chung, người cao tuổi vẫn mong muốn được ở nhà bên cạnh con cháu, tuy nhiên với nhịp sống ngày càng sôi động, hằng ngày người cao tuổi thường chỉ ở nhà một mình do con cháu đều đi làm hoặc đi học, do vậy nhu cầu có bạn bè giao lưu, môi trường giải trí nhưng đảm bảo không gian ấm cúng như một gia đình là điều mà nhiều người cao tuổi luôn mong đợi. Ngoài ra, việc có người chăm sóc, trò chuyện sẽ giúp cho người già không còn cảm thấy tủi thân và họ sẽ vui vẻ, yêu đời cũng như khi được chăm sóc đầy đủ thì tình trạng sức khỏe cũng sẽ tốt hơn rất nhiều lần. [4]

Tương tự nghiên cứu tại Hải Dương cho rằng người cao tuổi có tỷ lệ mắc bệnh cao và dễ bị tổn thương về sức khỏe thể chất, tinh thần và xã hội hơn các nhóm tuổi khác. Nhu cầu CSSK cho người cao tuổi rất lớn, không đơn thuần dựa vào

thuốc và một số trị liệu, về lâu dài cần có các giải pháp hợp lý để họ tự giữ gìn và nâng cao sức khỏe của mình cũng như nhận được sự hỗ trợ thiết thực từ gia đình, cộng đồng và xã hội. [5].

Có thể nói, người cao tuổi là đối tượng cần được quan tâm đến vấn đề sức khỏe nhiều hơn các đối tượng khác do họ thường có nhiều bệnh lý nền, tuy nhiên sự hỗ trợ này hiện nay chưa được quan tâm đúng mực. Theo Trần Thị Hạnh (2008) nghiên cứu về thực trạng CSSK cho người cao tuổi cho biết có 16% chưa nhận được sự hỗ trợ hợp lý của gia đình và cộng đồng, một nửa người cao tuổi cảm thấy rằng họ không khỏe. Điều này cho thấy nhu cầu kiểm tra sức khỏe cho NCT là hết sức bức thiết [6].

Qua phân tích các yếu tố liên quan cho thấy với dịch vụ chăm sóc ban ngày vào các ngày thường trong tuần thì có 03 yếu tố chính ảnh hưởng lên nhu cầu sử dụng dịch vụ là mức kinh tế gia đình; nghề nghiệp và từng nghe về dịch vụ chăm sóc ban ngày. Trong đó, tỷ lệ người cao tuổi có nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc ban ngày vào các ngày thường có mức kinh tế gia đình khá giả và giàu cao hơn gấp 4 lần so với nhóm người cao tuổi còn lại với mức kinh tế nghèo, trung bình (lần lượt là 80,0% và 20,0%), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p<0,05$. Kết quả nghiên cứu này cũng tương tự như nghiên cứu của tác giả Bùi Thủy Dương (2010) [7], cùng xác định yếu tố về mức kinh tế có liên quan đến nhu cầu sử dụng dịch vụ ngoài giờ, tại nhà tương tự như dịch vụ chăm sóc nội trú ban ngày.

Tại nghiên cứu này cũng ghi nhận rằng tỷ lệ người cao tuổi có nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc ban ngày vào các ngày thường thuộc nhóm cán bộ công chức cao hơn gấp 2 lần so với nhóm người cao tuổi còn lại với các ngành nghề khác (lần lượt là 69,2% và 30,8%), sự khác biệt này

có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Điều này có thể hiểu rằng, những người cao tuổi trước đây là cán bộ công chức thì họ có mối quan hệ xã hội cũng như kiến thức nhất định liên quan đến việc chăm lo sức khỏe cũng như độc lập, tự chủ về tài chính do đó họ thường biết tự quyết định các giải pháp chăm lo cá nhân của bản thân được tốt hơn so với nhóm đối tượng còn lại ở các ngành nghề khác.

Một nội dung được ghi nhận thông qua nghiên cứu này nên đáng được quan tâm hơn để góp phần có giải pháp phát triển bất kỳ loại hình dịch vụ mới nào, không riêng dịch vụ về y tế, đó là khách hàng cần được nắm các thông tin liên quan đến dịch vụ mình sẽ sử dụng, từ đó nhu cầu sử dụng sẽ được tăng cao hơn. Do vậy, với nghiên cứu này cũng ghi nhận được rằng nhóm người cao tuổi đã từng nghe về dịch vụ chăm sóc ban ngày có nhu cầu sử dụng dịch vụ này cao hơn gấp 4 lần so với nhóm người cao tuổi còn lại (lần lượt là 80,0% và 20,0%), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Tương tự, như kết luận của nghiên cứu về nhu cầu sử dụng dịch vụ y tế mới - dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa [8].

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu chỉ ra nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc nội trú ban ngày sẽ được chú ý và quan tâm hơn khi người dân hiểu rõ hơn về dịch vụ này, đồng thời dịch vụ này cũng sẽ có nhiều

khả năng được quan tâm hơn ở những đối tượng có điều kiện về kinh tế. Do vậy, để phát triển các dịch vụ y tế mới trong đó có dịch vụ chăm sóc nội trú ban ngày cho người cao tuổi, cần tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá về loại hình dịch vụ này đến đông đảo người dân và cộng đồng, tập trung ưu tiên nhóm đối tượng có mức kinh tế cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Cục thống kê thành phố Đà Nẵng (2020)**, Niên giám thống kê năm 2019 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
2. **European Lung Foundation (2019)**, Telemedicine
3. **Định nghĩa về chăm sóc ban ngày – Daycare**, đăng tại link: <https://www.msmanuals.com>
4. **Nguyễn Thị Bảo Ai và cộng sự (2020)**, Nghiên cứu đặc điểm và nhu cầu chăm sóc bệnh mạn tính ở người cao tuổi tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định năm 2020.
5. **Nguyễn Văn Sai (2014)**, Thực trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc y tế của người cao tuổi tại hai huyện tỉnh Hải Dương năm 2013.
6. **Trần Thị Hạnh (2008)**, Thực trạng chăm sóc sức khỏe tại nhà cho người cao tuổi quận Ô Môn TP. Cần Thơ.
7. **Bùi Thùy Dương (2010)**, Khảo sát nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngoài giờ và tại nhà của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân đến khám bệnh tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2010.
8. **Quách Hữu Trung, Võ Thị Hồng Hương và cộng sự**, Kiến thức và nhu cầu về sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh từ xa của bệnh nhân đái tháo đường tại thành phố Đà Nẵng năm 2021.

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỬ DỤNG VANCOMYCIN AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ TRONG ĐIỀU TRỊ NHIỄM KHUẨN NẶNG TRẺ EM

Hà Mạnh Tuấn¹, Kim Trần Quan²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng an toàn và hiệu quả của vancomycin trong điều trị nhiễm trùng nặng trẻ em. **Phương pháp tiến hành:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả các bệnh nhân trẻ em được chỉ định điều trị vancomycin trên 3 ngày. Các trường hợp này được đo nồng độ đáy vancomycin và độ thanh thải creatinin để theo dõi hiệu quả và an toàn của sử dụng vancomycin. **Kết quả:** Nghiên cứu thu nhận 40 trường hợp. Liều lượng vancomycin sử

dụng trung bình là $55,83 \pm 19,34$ mg/kg/ngày. Nồng độ đáy vancomycin trung vị là $11,09$ ($7,84 - 16,46$) $\mu\text{g/ml}$. Độ thanh thải creatinin trung bình là $80,18 \pm 29,14$ ml/min. Các yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng vancomycin an toàn và hiệu quả là liều lượng vancomycin, cách sử dụng vancomycin và độ thanh thải creatinin. **Kết luận.** Cần xem xét điều chỉnh liều lượng vancomycin, cách sử dụng vancomycin theo độ thanh thải và nồng độ đáy vancomycin để đảm bảo tính an toàn và hiệu quả trong điều trị.

SUMMARY

FACTORS AFFECTING THE SAFE AND EFFECTIVE USE OF VANCOMYCIN IN TREATMENT OF SEVERE INFECTIONS IN CHILDREN

Objectives: To investigate the factors affecting the safe and effective use of vancomycin in the treatment of severe infections in children. **Methods:**

¹Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

²Bệnh viện Nhi Đồng 2

Chịu trách nhiệm chính: Hà Mạnh Tuấn

Email: hamanhtuan@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 16.3.2021

Ngày phản biện khoa học: 12.5.2021

Ngày duyệt bài: 21.5.2021